

HƯỚNG TỚI KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT LÀ ĐỘNG LỰC KIẾN TẠO VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Nguyễn Đông Phong^(*)

^(*) Giáo sư, tiến sĩ, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Email: phongnd@ueh.edu.vn

Phạm Thị Kiên^()**

^(**) Phó giáo sư, tiến sĩ, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Email: kienpt@ueh.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và kinh tế số đang tái định hình thế giới, Việt Nam đứng trước thời khắc mang tính bước ngoặt lịch sử - cơ hội quan trọng để chuyển đổi mạnh mẽ đất nước, khẳng định con đường tất yếu xây dựng chủ nghĩa xã hội, hướng tới một xã hội công bằng, nhân văn, bền vững, lấy con người làm trung tâm. Đây là thời điểm đòi hỏi Việt Nam phải nhanh chóng chuyển đổi phương thức sản xuất số, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất hiện đại thông qua việc nâng cao trình độ nguồn nhân lực số và phát triển tư liệu sản xuất số. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống pháp luật minh bạch về quyền sở hữu dữ liệu, tối ưu hóa tổ chức và quản lý sản xuất, cùng với thực hiện các hình thức phân phối sản phẩm đa dạng, hiệu quả và phù hợp. Những yếu tố này không chỉ đóng vai trò cốt lõi trong việc hoàn thiện quan hệ sản xuất, mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới, mở ra cơ hội để Việt Nam vươn lên trở thành một quốc gia hiện đại, thịnh vượng và sáng tạo, hòa mình vào dòng chảy phát triển toàn cầu, khẳng định vị thế trên trường quốc tế với nền kinh tế số tiên tiến, xã hội công bằng, nhân văn và bền vững, nơi con người là trung tâm của mọi giá trị và động lực sáng tạo.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất.

Ngày nhận bài: 04/06/2025; ngày phản biện: 05/06/2025; ngày sửa chữa: 28/06/2025; ngày duyệt đăng: 10/07/2025.

1. Đặt vấn đề

Trong thời kỳ chuyển đổi số, sản xuất không chỉ tạo ra của cải vật chất, mà còn bao gồm tài sản trí tuệ và dữ

liệu số trên nền tảng công nghệ số. Điều này đòi hỏi sự đồng bộ và hoàn thiện của các yếu tố trong quan hệ sản xuất để phù hợp với sự phát triển nhanh chóng

của lực lượng sản xuất số. Đối với Việt Nam, đây là thời điểm mang tính bước ngoặt để triển khai các chiến lược đột phá nhằm tránh nguy cơ tụt hậu so với khu vực và thế giới. Để hiện thực hóa mục tiêu phát triển phồn vinh và thịnh vượng của đất nước trong kỷ nguyên số, Đảng Cộng sản Việt Nam cần giữ vững vai trò cầm lái con tàu đổi mới, thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và mạnh mẽ trong việc phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với hoàn thiện quan hệ sản xuất hiện nay. Đồng thời, Đảng phải lãnh đạo, chỉ đạo Nhà nước thiết lập khung pháp lý và cơ chế quản lý hiệu quả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tối ưu hóa các nguồn lực quốc gia. Thành công của sự nghiệp đổi mới sáng tạo toàn diện và đồng bộ này phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực lãnh đạo của Đảng - lực lượng duy nhất có khả năng định hướng và bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

2. Mỗi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay

Theo học thuyết Mác - Lênin, *lực lượng sản xuất* là năng lực thực tiễn cải biến tự nhiên của con người nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống của mình, bao gồm người lao động (năng lực, trình

độ, kỹ năng), tư liệu sản xuất (tư liệu lao động, đối tượng lao động), ngày nay nó còn bao hàm cả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. *Quan hệ sản xuất* được hiểu là tổng hợp các quan hệ kinh tế - vật chất giữa người với người trong quá trình sản xuất, và cùng với lực lượng sản xuất là hai yếu tố cơ bản cấu thành phương thức sản xuất. Hai yếu tố này có mối quan hệ “song trùng”, quyết định tính chất và sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội, phản ánh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với nhau (Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 3: 42). Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay biểu hiện tập trung trên một số khía cạnh cơ bản sau:

Thứ nhất, sự phát triển của lực lượng sản xuất số đang làm thay đổi căn bản quan hệ sản xuất toàn cầu. Hiện nay, dữ liệu đã trở thành “tài nguyên” của nền sản xuất công nghệ số, khiến sản xuất và kinh doanh không chỉ giới hạn trong lĩnh vực vật chất vật lý truyền thống, mà còn mở rộng sang sản xuất tri thức và dữ liệu, với sự hỗ trợ của công nghệ số và mạng lưới toàn cầu, vượt qua mọi rào cản về không gian và thời gian. Cho nên, người lao động không chỉ dùng sức lao động, mà còn dùng tri thức số và được trang bị kỹ năng công nghệ, phân tích dữ liệu và đạo đức số để sử dụng

tư liệu lao động số nhằm tạo ra giá trị. Tuy nhiên, họ đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ, đó là sự mất cân bằng kỹ năng, áp lực đổi mới, rủi ro bảo mật và làn sóng sa thải quy mô lớn. Tư liệu sản xuất số với dữ liệu và công nghệ, cùng với các công cụ như AI, AutoCAD, MATLAB, SolidWorks, PLC,... giúp con người nâng cao hiệu quả sản xuất. Mặc dù tư liệu sản xuất số giúp tăng cường năng suất và hiệu quả sản xuất, nhưng cũng tiềm ẩn một số rủi ro như tập trung quyền lực và dữ liệu, độc quyền và thao túng thị trường, đe dọa an ninh mạng, vi phạm quyền riêng tư, phụ thuộc công nghệ, thất nghiệp và thay đổi cấu trúc lao động, khai thác tài nguyên gây ô nhiễm, mất cân bằng trong phân phối lợi ích, phá sản các mô hình sản xuất cũ, xâm phạm chủ quyền quốc gia... Điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững và công bằng giữa các quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển. Vì vậy, có thể nói, trong kỷ nguyên công nghệ số, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản công nghệ là sự tập trung của cải, quyền lực công nghệ và dữ liệu vào một số tập đoàn và quốc gia giàu mạnh, trong khi quan hệ sản xuất hiện nay chưa theo kịp tốc độ phát triển của lực lượng sản xuất, dẫn đến tình trạng bất bình đẳng, thất nghiệp, kìm hãm tăng trưởng và bất ổn xã hội toàn cầu.

Thứ hai, sự tác động trở lại của quan

hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, dữ liệu, được ví như “dầu mỏ” của nền kinh tế số, đóng vai trò như một tư liệu sản xuất quan trọng, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Việc sở hữu tư liệu sản xuất hiện đại, bao gồm trí tuệ, dữ liệu và tài sản số, mang lại lợi thế cạnh tranh to lớn, nhưng cũng góp phần tạo ra sự phân tầng kinh tế toàn cầu. Các chuỗi cung ứng hiện đại, dù tối ưu hóa sản xuất, song lại phụ thuộc vào chi phí cao, sự phối hợp phức tạp và dễ bị gián đoạn, làm hạn chế khả năng mở rộng và tính linh hoạt. Quan hệ sản xuất đang chuyển dịch từ lao động truyền thống sang lao động tri thức, lao động tự do và làm việc từ xa, cùng với các mô hình phân phối giá trị gia tăng dựa trên nền tảng số, với sự tham gia của các doanh nghiệp toàn cầu. Sở hữu tư liệu số chủ yếu thuộc về các tập đoàn đa quốc gia, góp phần làm gia tăng bất bình đẳng kinh tế, kìm hãm sự sáng tạo và năng lực cạnh tranh của các nước đang phát triển. Giá trị vốn hóa của 50 công ty lớn nhất thế giới đã tăng từ 4,7% (năm 1990) lên 27,6% GDP toàn cầu (năm 2020) (Xem: Visual Capitalist 2020), điều này thể hiện sự tập trung quyền lực kinh tế vượt trội của các công ty công nghệ đa quốc gia. Đồng thời, sự chênh lệch kỹ thuật số làm gia tăng sự bất bình

đẳng, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Vì vậy, sự mất cân đối của nền kinh tế xảy ra khi lực lượng sản xuất phát triển vượt bậc, trong khi quan hệ sản xuất không theo kịp, dẫn đến sự trì trệ, thậm chí khủng hoảng của nền kinh tế, đồng thời khiến các mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng.

3. Khái lược thực trạng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ đòi hỏi quan hệ sản xuất cũng phải có sự thay đổi và hoàn thiện để phù hợp với trình độ của nền kinh tế số hiện nay. Tại Việt Nam, lực lượng sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao, đang phát triển mạnh mẽ nhờ sự đầu tư lớn và tập trung vào cơ sở hạ tầng, với tỷ lệ chi tiêu đạt hơn 6% GDP mỗi năm - cao nhất khu vực ASEAN. Tuy nhiên, với khoảng 90% nguồn vốn đầu tư đến từ khu vực công, áp lực lớn đang đè nặng lên ngân sách nhà nước, đặt ra những thách thức về tính bền vững và hiệu quả trong việc thúc đẩy sự phát triển lâu dài của lực lượng sản xuất (Xem: HSBC 2023). Đồng thời, quan hệ sản xuất hiện chưa thích ứng được với tốc độ phát triển của lực lượng sản xuất, khi nhiều doanh nghiệp công nghệ số vấp phải rào cản pháp lý về quyền sở hữu dữ liệu và an ninh mạng, cùng với sự bất cập trong cơ cấu sở hữu không đồng đều và quản

lý kém hiệu quả, làm hạn chế tiềm năng tăng trưởng kinh tế.

Hiện nay, dữ liệu đã trở thành một tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng, góp phần đáng kể vào tăng trưởng GDP của Việt Nam. Với giá trị gia tăng trong sản xuất chiếm 18% GDP và kinh tế số đóng góp khoảng 12,86% GDP vào năm 2022, lực lượng sản xuất số đang khẳng định vai trò trong nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, vẫn còn tồn tại một số hạn chế đáng chú ý như năng suất lao động của Việt Nam còn ở mức thấp, chỉ bằng 7,6% của Singapore, 19% của Malaysia và 37% của Thái Lan (Xem: Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2023), điều này cho thấy việc khai thác và phát triển lực lượng sản xuất số ở Việt Nam chưa thực sự hiệu quả, còn phụ thuộc vào hạ tầng số và trình độ, kỹ năng lao động số, chưa đủ để tạo ra sự bứt phá mạnh mẽ. Hiện nay, mặc dù nguồn lao động của Việt Nam đã được nâng cao về chất lượng, nhưng tỷ lệ lao động có trình độ cao vẫn còn khiêm tốn, mới chỉ chiếm 11,67% (Xem: Tổng cục Thống kê 2023). Tư liệu sản xuất ở Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi từ nền tảng truyền thống sang công nghệ hiện đại như sản xuất tự động hóa, kinh tế tri thức và quản lý tiên tiến. Các tập đoàn công nghệ lớn đang thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng đặt ra thách thức về sự độc quyền, bảo mật dữ liệu và bất bình đẳng trong tiếp cận hạ

tăng số. Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2024 cho thấy, Việt Nam đạt hạng 44/133 quốc gia, nền kinh tế (Xem: Global Innovation Index 2024); tuy nhiên, sự phát triển của lực lượng sản xuất vẫn còn nhiều hạn chế. Theo kết quả của một nghiên cứu, năm 2025, Việt Nam cần 700.000 nhân lực ngành công nghệ thông tin mới nhưng mới chỉ cung cấp khoảng 500.000, còn thiếu hụt khoảng 200.000 (Xem: Bạch Dương 2025). Và, chi tiêu R&D chỉ chiếm 0,43% GDP - thấp hơn Thái Lan (1,159%) và Singapore (1,85%) (Xem: Global Innovation Index 2024) - làm giảm khả năng sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới.

Hơn nữa, doanh nghiệp nội địa chỉ chiếm 23% thị phần kinh tế số (Xem: Walsh, J., Nguyễn và cộng sự), phần lớn phụ thuộc vào các công ty đa quốc gia, làm tăng nguy cơ mất chủ quyền số trên phạm vi lãnh thổ quốc gia. Mặc dù lực lượng sản xuất ở Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi từ nền tảng truyền thống sang áp dụng công nghệ hiện đại và tư liệu sản xuất số, nhưng sự không đồng bộ giữa tốc độ chuyển đổi này với quan hệ sản xuất lạc hậu đã gây ra nhiều khó khăn, như bất bình đẳng kinh tế, thiếu hụt lao động kỹ năng số, quản lý kém hiệu quả, khai thác công nghệ chưa tối ưu và nguy cơ tụt hậu trong cạnh tranh toàn cầu.

Quan hệ sản xuất không ngừng

được hoàn thiện để phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tại Việt Nam, dữ liệu đã trở thành một tư liệu sản xuất quan trọng, đóng vai trò nền tảng trong kinh tế số. Tuy nhiên, việc sở hữu, khai thác và quản lý dữ liệu vẫn còn nhiều hạn chế. Hiện chỉ có 2,2% doanh nghiệp trong nước làm chủ công nghệ quản lý dữ liệu, cho thấy sự thiếu hụt năng lực công nghệ trong nước (Xem: Bộ Kế hoạch và Đầu tư 2024). Bên cạnh đó, khu vực kinh tế nhà nước kiểm soát các tài sản quốc gia như Trung tâm Dữ liệu Quốc gia và hệ thống an ninh mạng, nền kinh tế tập thể đang được thúc đẩy thông qua các hợp tác xã kinh doanh số. Tuy vậy, sự kiểm soát dữ liệu toàn cầu lại thuộc về các tập đoàn công nghệ lớn (Big Tech) nên gia tăng sự phụ thuộc, làm hạn chế khả năng phát triển bền vững của các doanh nghiệp nội địa, nhất là khi Việt Nam chưa có hệ thống luật quản lý dữ liệu hoàn chỉnh. Mặc dù Chính phủ điện tử đã đạt 70% tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình vào năm 2023 và 95% dữ liệu đã được số hóa, nhưng phần lớn dữ liệu này vẫn đang được lưu trữ trên các nền tảng nước ngoài. Điều này gây khó khăn trong việc bảo đảm quyền sở hữu dữ liệu quốc gia và tiềm ẩn nguy cơ về an ninh thông tin (Xem: Nguyễn Mạnh Hùng 2024).

Chính phủ số với các dịch vụ trực tuyến không chỉ làm giảm 25% thời

gian xử lý hành chính, mà còn tăng năng suất lao động khu vực công lên đến 30%, như minh chứng từ Báo cáo số 85/BC-CP giai đoạn 2016–2023 về việc giảm 10% biên chế, tiết kiệm ngân sách đáng kể (Xem: Chính phủ Việt Nam 2023). Do đó, việc triển khai Chính phủ số cần tập trung mở rộng dịch vụ trực tuyến, tối ưu hóa quy trình hành chính và ứng dụng công nghệ số, muốn vậy cần đồng bộ hệ thống pháp lý với các yêu cầu thực tiễn của thời đại số. Hiện nay, Việt Nam đã ban hành một số văn bản pháp lý quan trọng, như *Luật Giao dịch Điện tử* (sửa đổi), *Luật Viễn thông* (sửa đổi) và *Nghị định Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân* (2023)... Tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn dựa nhiều vào *Luật Công nghệ Thông tin* (2006), song luật này chưa đáp ứng được các vấn đề hiện đại như quản lý dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), an ninh mạng, quyền sở hữu dữ liệu cá nhân và các quy định về nền tảng số. Điều này gây ra những khó khăn trong việc thực thi pháp luật để quản lý các hoạt động kinh tế số và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng một cách hiệu quả. Quyền riêng tư và xử lý dữ liệu nhạy cảm vẫn chưa được quy định cụ thể, trong khi *Luật Dữ liệu*, dự kiến có hiệu lực vào năm 2025, dù đã thiết lập khung pháp lý cơ bản, nhưng vẫn chưa đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán để có thể điều chỉnh toàn diện các vấn đề nảy sinh trong kỷ nguyên mới.

Bên cạnh các hạn chế về luật pháp, năng lực tổ chức và quản lý sản xuất cũng là một điểm yếu. Khu vực nhà nước chiếm 84,13% nhân lực R&D, trong khi khu vực ngoài nhà nước chỉ chiếm 13,8%, tạo ra sự mất cân đối trong năng lực nghiên cứu (Xem: Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới 2024). Việc áp dụng các mô hình công nghệ hiện đại giúp tối ưu hóa sản xuất, giảm lãng phí, cải thiện hiệu suất và đáp ứng nhanh nhu cầu thị trường, song chi phí đầu tư cao và sự phối hợp không hiệu quả giữa các doanh nghiệp vẫn là những trở ngại lớn. Sự tập trung dữ liệu vào các tập đoàn lớn gây khó khăn cho doanh nghiệp trong nước, làm gia tăng bất bình đẳng kinh tế. Lao động thời vụ phổ biến nhưng thiếu chính sách an sinh, làm tăng rủi ro. Theo Oxfam (2017), bất bình đẳng kinh tế tại Việt Nam ngày càng rõ, khi nhóm giàu nhất có thu nhập gấp 1,74 lần nhóm nghèo nhất (Xem: Oxfam 2017). Bên cạnh đó, hệ thống quản lý vẫn còn cồng kềnh, chi thường xuyên chiếm 70% ngân sách (Xem: Tô Lâm 2024), làm hạn chế đáng kể nguồn lực dành cho đầu tư phát triển. Sự chậm đổi mới quan hệ sản xuất cũng khiến nền kinh tế vẫn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, hạ tầng yếu kém, năng suất thấp và gặp khó khăn trong chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu.

4. Một số định hướng chiến lược nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển

lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, để hiện thực hóa khát vọng xây dựng nền kinh tế thịnh vượng, xã hội công bằng trong “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” như Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, Việt Nam cần phải đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, đặc biệt là lực lượng sản xuất số, đồng thời không ngừng xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Cụ thể, trong thời gian tới chúng ta tập trung triển khai đồng bộ các định hướng chiến lược như sau:

Một là, đổi mới thể chế kinh tế là yếu tố mang tính quyết định đến sự phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Để đạt được điều này, cần đảm bảo sự tương thích giữa công nghệ hiện đại và mô hình tổ chức kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tại Việt Nam, cải cách thể chế kinh tế vẫn gặp nhiều trở ngại và rào cản, như thủ tục hành chính phức tạp, chính sách đất đai thiếu minh bạch, hạn chế trong tiếp cận các nguồn lực phát triển cơ bản, như vốn, công nghệ và dữ liệu. Những “điểm nghẽn” này không chỉ làm giảm động lực đổi mới sáng tạo, mà còn kìm hãm sự phát triển kinh tế. Minh bạch chính sách về sở

hữu dữ liệu là bước đi cần thiết để giảm rủi ro pháp lý, xây dựng niềm tin doanh nghiệp, thúc đẩy nội địa hóa công nghệ và thu hút đầu tư. Đồng thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính giúp giảm chi phí tuân thủ, tăng cường năng lực cạnh tranh và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Chính phủ cần thiết lập hành lang pháp lý rõ ràng, ưu tiên các chính sách tài chính linh hoạt để hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu số đồng bộ, bao gồm trung tâm dữ liệu, hệ thống lưu trữ và phân tích dữ liệu, mạng viễn thông hiện đại... là yếu tố thiết yếu để tối ưu hóa sản xuất, phân phối và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cần triển khai xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và liên thông cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai và doanh nghiệp, góp phần giảm chi phí hành chính và tăng hiệu quả vận hành. Đầu tư mạnh vào an ninh mạng với các giải pháp như mã hóa dữ liệu, hệ thống phát hiện xâm nhập (IDS) và quản lý truy cập là biện pháp cần thiết để bảo vệ hạ tầng số và dữ liệu, đảm bảo an toàn trong môi trường số. Chính phủ cần ban hành khung pháp lý hỗ trợ chuyển đổi số, khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp và tổ chức giáo dục thông qua ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính và liên kết đào tạo. Các chính sách này không chỉ bảo vệ quyền lợi của lao động số, mà còn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát

triển bền vững và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hai là, đổi mới mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng thích ứng, khai thác tối đa tiềm năng công nghệ của lực lượng sản xuất, đảm bảo sự minh bạch và phối hợp chặt chẽ giữa các bên, giảm bất bình đẳng xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Do đó, đổi mới mô hình tổ chức bộ máy chính trị của Việt Nam là nhiệm vụ chiến lược. Để nâng cao hiệu quả và minh bạch trong quản lý, cần đổi mới tổ chức bộ máy chính trị theo hướng tinh gọn, loại bỏ trùng lặp chức năng và phân định rõ nhiệm vụ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương là yếu tố quan trọng, tạo điều kiện cho địa phương phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý kinh tế - xã hội. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước và xây dựng Chính phủ số là bước căn bản để tối ưu hóa hoạt động bộ máy chính trị. Cần rà soát, tái cơ cấu chức năng các cơ quan, đồng thời phát triển các nền tảng công nghệ để nhân dân giám sát, phản biện và đóng góp ý kiến, đảm bảo minh bạch và dân chủ. Đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật số và nâng cao năng lực công nghệ cho cán bộ công chức thông qua đào tạo chuyên sâu là yêu cầu cấp thiết. Phát huy vai

trò của nhân dân trong hệ thống chính trị, tận dụng công nghệ số để thực hiện hiệu quả các quyền “dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát”. Xây dựng các nền tảng công nghệ minh bạch và dễ tiếp cận, bao gồm cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động và hệ thống trực tuyến, nhằm cung cấp thông tin đầy đủ về chính sách, pháp luật và hoạt động của cơ quan nhà nước. Điều này sẽ góp phần xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất số và nhu cầu chuyển đổi số quốc gia.

Ba là, phát triển kinh tế tri thức gắn với lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất số là trọng tâm thúc đẩy nền kinh tế số, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam hiện nay. Để xây dựng cơ cấu kinh tế tri thức, chúng ta cần đầu tư mạnh vào R&D (“Research and Development”, được hiểu là quá trình nghiên cứu và phát triển), ứng dụng công nghệ hiện đại, cải cách giáo dục toàn diện, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thiết lập Chính phủ số đồng bộ và môi trường pháp lý minh bạch, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và kinh tế số. Trong những năm qua, đóng góp của tổng sản phẩm các yếu tố (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đã tăng từ 32,88% (2011 - 2015) lên 45,57% (2016 - 2020), nhưng giảm xuống 37,13% vào năm 2021 (Xem: Tổng cục Thống kê 2021: 45-50), cho thấy nhu cầu cấp thiết về cải

cách giáo dục và đầu tư vào R&D. Để đẩy mạnh R&D và nâng cao năng suất lao động, Việt Nam cần đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ lõi như AI, IoT, Big Data và điện toán đám mây,... Muốn vậy, cần thiết lập các trung tâm đổi mới sáng tạo để các doanh nghiệp đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời tăng cường nguồn vốn đầu tư công và tư nhân vào các lĩnh vực trọng điểm. Mặt khác, cần coi trọng tích hợp công nghệ quản lý hiện đại như E-learning, Machine Learning, KPI, BPM, Design Thinking, Blue Ocean Strategy nhằm đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành và nhu cầu thực tế của thị trường. Các chương trình đào tạo nên tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như FinTech, HealthTech, AgriTech, sản xuất thông minh, E-commerce, Smart City, Cybersecurity, Smart Biotechnology,... qua đó xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại. Song song với đó, cần hoàn thiện kiến trúc thượng tầng với việc xây dựng Chính phủ số, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả và đảm bảo an ninh mạng. Điều này tạo môi trường pháp lý minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao trách nhiệm xã hội của các thành phần kinh tế. Đồng thời, việc hỗ trợ giáo dục, R&D, xây dựng đô thị thông minh và phổ cập công nghệ số sẽ tăng cường năng lực cạnh tranh quốc

gia, cải thiện chất lượng sống và củng cố vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế tri thức.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò động lực trọng yếu trong việc phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ công nghệ là cần thiết, bao gồm ban hành luật về sở hữu tư liệu sản xuất số cho các thành phần kinh tế, thiết lập các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng cho R&D, cũng như xây dựng các quỹ đổi mới sáng tạo. Điều này nhằm thúc đẩy phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất và quản lý. Phát triển hạ tầng công nghệ số được xem là yếu tố cấp bách hiện nay, do đó cần phải xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia, mở rộng mạng viễn thông hiện đại và cơ sở vật chất tiên tiến, tạo nền tảng vững chắc cho công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số toàn diện.

Việc triển khai các mô hình quản lý hiện đại như hệ sinh thái đổi mới, quản lý R&D, hợp tác công - tư (PPP), và hệ thống đổi mới quốc gia (NIS) sẽ tối ưu hóa hiệu quả ứng dụng công nghệ. Việc đào tạo nguồn nhân lực số chất lượng cao thông qua các chương trình chuyên sâu tại các trường đại học và doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực như AI, Big Data, IoT và quản lý công nghệ,

được xem là yếu tố nền tảng không thể thiếu. Việc kết hợp hệ thống học liệu mở và hợp tác giáo dục với doanh nghiệp sẽ nâng cao kỹ năng số, đáp ứng nhu cầu lao động trong nền kinh tế số. Hơn nữa, hệ thống quản lý minh bạch cần được thiết lập dựa trên các chỉ số KPI như tỷ lệ số hóa dữ liệu, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, tăng trưởng năng suất lao động và thời gian xử lý hồ sơ hành chính. Phát triển Chính phủ điện tử đóng vai trò cốt lõi trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và giảm chi phí vận hành. Bên cạnh đó, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, thúc đẩy hợp tác công - tư và thu hút đầu tư quốc tế là yếu tố cần thiết để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Điều này sẽ đảm bảo quyền sở hữu và quản lý hiệu quả tư liệu sản xuất số, xây dựng nền kinh tế số hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất và quản trị, cải thiện chất lượng dịch vụ công, và tăng cường sức cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Năm là, nâng cao chất lượng giáo dục là yếu tố cốt lõi để phát triển nguồn nhân lực số toàn diện, đáp ứng yêu cầu của lực lượng sản xuất hiện đại. Giáo dục cần tích hợp tri thức chuyên sâu, kỹ năng sáng tạo, tư duy logic, năng lực văn hóa và đạo đức số, với trọng tâm minh bạch, tôn trọng quyền riêng tư và trách nhiệm xã hội. Chương trình đào tạo nên gắn kỹ năng số với các lĩnh vực

trọng điểm như khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng, kết hợp kỹ năng mềm để trang bị khả năng thích nghi. Đồng thời, giáo dục đạo đức số, xây dựng trách nhiệm, tư duy vững vàng và năng lực tự học, hướng đến phát triển con người Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên số. Để đạt được mục tiêu này, các trường đại học cần phối hợp với tổ chức quốc tế và doanh nghiệp triển khai các chương trình kỹ năng số như Google Career Certificates, Microsoft Digital Skills Program và Cisco Networking Academy, nâng cao trình độ kỹ năng số cho người học. Việc xây dựng kho học liệu mở với nội dung đa dạng và thiết lập hệ thống đánh giá kỹ năng số minh bạch là giải pháp thiết yếu để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập. Các trường đại học cần khẳng định vai trò trung tâm trong nghiên cứu, điều phối và kết nối, đóng góp vào xây dựng chiến lược quốc gia và tham vấn chính sách giữa Chính phủ, doanh nghiệp và địa phương. Đồng thời, các trường đại học cần cung cấp đề án chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, chính sách năng lực, ứng phó với biến đổi khí hậu của chính phủ, hỗ trợ doanh nghiệp qua hợp tác công - tư (PPP), đổi mới sáng tạo và tối ưu hóa quy trình sản xuất; chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thông minh, quản lý đô thị, năng lượng tái tạo và đào tạo lao động đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương.

Sáu là, Đảng cần tiên phong trong đổi mới sáng tạo, lãnh đạo toàn diện và thực thi hiệu quả các định hướng chiến lược nhằm đặt nền tảng cho việc thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong kỷ nguyên số. Để thúc đẩy lực lượng sản xuất hiện đại và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong kỷ nguyên số, Đảng cần khởi xướng, thực thi các chính sách và sáng kiến chiến lược, như đã được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Việc triển khai mô hình “lãnh đạo kiến tạo, linh hoạt và đổi mới sáng tạo” là cần thiết nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương. Đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng khung pháp lý và chính sách chiến lược dựa trên nghiên cứu khoa học, hỗ trợ đổi mới tại các cơ quan, doanh nghiệp và địa phương; thiết lập nền tảng kỹ thuật số để hiện đại hóa lãnh đạo, giám sát và kết nối giữa các cấp chính quyền với doanh nghiệp; xây dựng cơ chế giám sát minh bạch kết hợp phản hồi hai chiều, khuyến khích sự chủ động đổi mới từ cơ sở. Ngoài ra, đối với các doanh nghiệp, Đảng cần lãnh đạo xây dựng văn hóa đổi mới, khuyến khích sáng tạo và ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa sản xuất. Tại các địa phương, Đảng cần thúc đẩy chuyển giao công

nghệ, xây dựng hạ tầng số, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, cải thiện thực thi chính sách và tăng cường niềm tin vào chính quyền thông qua sự tham gia của các tổ chức xã hội.

5. Kết luận

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với ý chí tự cường và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chính, việc phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế số nhằm đưa Việt Nam lên tầm cao mới trên bản đồ thế giới. Việc xây dựng hạ tầng số, phát triển Big Tech nội địa, tối ưu hóa khoa học công nghệ, thiết lập chuỗi cung ứng toàn cầu và nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố cốt lõi để giảm chi phí sản xuất và thúc đẩy kinh tế số. Đồng thời, đào tạo nguồn nhân lực số chất lượng cao thông qua giáo dục tích hợp công nghệ hiện đại, đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ, thúc đẩy hợp tác quốc tế và hoàn thiện khung pháp lý về tài nguyên số sẽ tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, phân phối tài nguyên số công bằng, cải cách hành chính và minh bạch hóa chính sách là nền tảng quan trọng để giảm bất bình đẳng xã hội, hướng tới phát triển đất nước bền vững, thịnh vượng.

Tài liệu trích dẫn

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2024. “Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp Việt Nam năm 2023 Thúc

đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” (<https://chuyendoiso.hochiminhcity.gov.vn/-/bao-cau-thuong-nien-chuyen-oi-so-doanh-nghiep-viet-nam-nam-2023-thuc-ay-chuyen-oi-so-chuyen-oi-xanh>). Truy cập ngày 09/07/2024.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

3. Chính phủ Việt Nam. 2023. *Báo cáo số 85/BC-CP về kết quả cải cách tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2023*. Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.

4. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF). 2023. “Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu” (https://www3.weforum.org/docs/WEF_Annual_Report_2022-23.pdf). Truy cập ngày 29/12/2024.

5. Bạch Dương. 2025. “Vietnam’s IT sector faces 200,000 personnel shortage” (<https://en.vneconomy.vn/vietnams-it-sector-faces-200-000-personnel-shortage.htm>). Truy cập ngày 07/05/2025.

6. HSBC. 2023. “Việt Nam: Tiếp cận một nền kinh tế phát triển mạnh với các kết nối quốc tế” (<https://www.business.hsbc.com.vn/en-gb/insights/growing-my-business/vietnam-access-a-thriving-economy-with-international-connections>). Truy cập ngày 01/08/2023.

7. Nguyễn Mạnh Hùng. 2024. “Dịch vụ công trực tuyến là cái cốt lõi nhất của

Chính phủ điện tử” (<https://ictvietnam.vn/dich-vu-cong-truc-tuyen-la-cai-cot-loi-nhat-cua-chinh-phu-dien-tu-66585.html>). Truy cập ngày 02/09/2024.

8. Oxfam. 2017. *Thu hẹp khoảng cách* (https://www-cdn.oxfam.org/s3fs-public/file_attachments/bp-vietnam-inequality-120117-vn.pdf).

9. Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO). 2024. *Chỉ số đổi mới toàn cầu 2024*. Geneva: WIPO (<https://www.wipo.int/edocs/gii-ranking/2024/vn.pdf>).

10. Tổng cục Thống kê. 2021. *Niên giám thống kê 2021*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.

11. Tổng cục Thống kê. 2023. “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023” (<https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/12/bao-cau-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2023/>). Truy cập 29/12/2024.

12. Visual Capitalist. 2020. “Tỷ lệ vốn hóa thị trường của 50 công ty hàng đầu so với GDP toàn cầu” (<https://www.visualcapitalist.com/top-50-companies-proportion-of-world-gdp/>). Truy cập ngày 29/12/2024.

13. Walsh, J., Nguyễn, T. Q., & Hoàng, T. (2023). “Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: Các hàm ý quản lý”. *Tạp chí Kinh tế Internet và Số hóa*, 3(1/2), 18–32 (<https://doi.org/10.1108/JIDE-09-2022-0018>). Truy cập ngày 29/12/2024.